TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 10-5-2023
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thanh Hải; bà Lương Thị Hoàng Kim.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị An - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 "Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955; nơi cư trú: t7, ấp Ph, xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã T), tỉnh A.

- *Bị đơn:* bà Võ Thị Y, sinh năm 1978; nơi cư trú: t8, ấp Ph, xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã T), tỉnh A.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày*:

Giữa bà với bà Y là chỗ quen biết, hàng xóm với nhau. Vào ngày 07/11/2019 – dương lịch, bà Y có hỏi vay của bà số tiền 1.500.000.000 đồng, có lập biên nhận do bà bà Y tự ghi và ký tên, không thoả thuận lãi suất, mục đích vay để mua đất, cam kết đến ngày 28/11/2019 bà Y sẽ trả đủ tiền.

Tại phiên toà hôm nay, bà U xác định theo biên nhận ghi ngày 07/11/2019 – dương lịch, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, gồm tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 5% là 500.000.000 đồng. Nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện

buộc bị đơn trả tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 28/11/2019 cho đến khi xét xử.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Y vắng mặt.*

** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Y có mặt, trình bày ý kiến như sau:* bà xác định có hỏi vay của bà U tiền số tiền là 1.000.000.000 đồng nhưng không trả được như đúng hẹn, nên bà chấp nhận chịu tiền lãi là 500.000.000 đồng. Vào ngày 07/11/2019 bà có lập biên nhận với bà U thiếu số tiền 1.500.000.000 đồng do bà ghi và ký tên, gồm tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000.000 đồng. Hiện nay, hoàn cảnh khó khăn xin nguyên đơn tính vốn là 1.000.000.000 đồng và không tính lãi, bà sẽ trả trước cho bà U khoảng 150.000.000 đồng, sau đó trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Xuất phát từ chỗ quen với nhau, nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền, các bên có lập biên nhận ngày 07/11/2019 – dương lịch, với nội dung bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng, hẹn đến ngày 28/11/2019 sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, các bên đều thừa nhận tại biên nhận ghi số tiền 1.500.000.000 đồng, gồm tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ vay của bị đơn là 1.000.000.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phải tính tiền lãi chậm trả 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 28/11/2019 theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000 đồng là thuộc phạm vi khởi kiện và phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217 và 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị U khởi kiện đối với bị đơn bà Võ Thị Y có nơi cư trú tại tổ 08, ấp Phú Nhứt, xã An Phú, huyện Tịnh Biên (nay là phường An Phú, thị xã Tịnh Biên), tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về vay tài sản bằng tiền, nên xác định vụ án tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu của nguyên đơn*

Xuất phát từ chỗ quen biết nhau do bị đơn có nhu cầu vay tiền nên nguyên đơn đã cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không thỏa thuận tính lãi suất. Đến ngày 07/11/2019, bị đơn chưa trả tiền như đúng hẹn nên có lập biên nhận nợ tiền với nguyên đơn tổng cộng là 1.500.000.000 đồng, trong đó tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 500.000.000 đồng, biên nhận này do bị đơn ghi và ký tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tại biên nhận ghi số tiền 1.500.000.000 đồng, gồm tiền vốn 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 500.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định được bà Y còn nợ bà U tiền vay vốn là 1.000.000.000 đồng.

Như vậy, giữa các bên xác lập hợp đồng vay từ ngày 07/11/2019, hạn trả là ngày 28/11/2019, việc thỏa thuận hợp đồng vay này là có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng yêu cầu này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay theo quy định Điều 463 của Bộ luật dân sự. Việc giao kết hợp đồng vay trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

[2.2] *Về yêu cầu tính lãi suất*

Nguyên đơn cho rằng, việc bị đơn còn nợ số tiền vay vốn 1.000.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định là 10%/năm từ ngày 28/11/2019 cho đến khi xét xử.

Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".

Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu chịu tiền lãi chậm trả là 10%/năm, kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (ngày 28/11/2019) theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

Tiền lãi được tính như sau (từ ngày 28/11/2019 đến ngày 10/5/2023 là 1259 ngày): 1.000.000.000 đồng x 10%/năm x 1259 ngày = 344.931.000 đồng.

[2.3] *Xét về yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện*

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U xác định rút lại một phần yêu cầu đối với bị đơn bà Võ Thị Y, về số tiền 500.000.000 đồng. Yêu cầu này phù hợp theo phạm vi khởi kiện, nên có cơ sở đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, theo ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Bị đơn bà Võ Thị Y được giảm ½ mức án phí có giá ngạch, do thuộc trường hợp có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại Điều 13 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Do đó, bị đơn phải chịu ½ án phí theo mức có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, 217, 218, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U đối với bị đơn bà Võ Thị Y.

- Buộc bà Võ Thị Y có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vay vốn là 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* và tiền lãi chậm trả là 344.931.000

đồng *(ba trăm, bốn mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn đồng)*, tổng cộng là 1.344.931.000 đồng *(một tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn đồng)*.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U đối với bị đơn bà Võ Thị Y về số tiền vay 500.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Y phải chịu 26.174.000đ *(hai mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)* tiền án phí.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tx. Tịnh Biên;
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ